

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 281/2024/DS-PT

Ngày: 22 - 5 - 2024

V/v tranh chấp: “Hợp đồng  
tặng cho quyền sử dụng  
đất”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: + Bà Hoàng Thị Thơ

+ Bà Lâm Ngọc Tuyền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Liễu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 158/2024/TLPT-DS ngày 02/4/2024 về việc tranh chấp: “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2024/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 172/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 04 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị S**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp N, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của chị S là ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1973. Địa chỉ: A T, khu phố A, phường E, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (Theo Văn bản ủy quyền ngày 16/4/2024).

**- Bị đơn:**

1. Anh **Võ Minh K**, sinh năm 1976;

2. Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1973;

Cùng cư trú: Ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

**1. Văn phòng C;**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Bùi Phú M** - Trưởng Văn phòng.

**2. Chị Võ Thị Phương T1**, sinh năm 1997;

Cư trú: Ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

**3. Anh Hồ Minh T2**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị **Võ Thị Phương T1**.

*(Có mặt anh T, anh K, chị T1 và anh T2.*

*Vắng chị P và ông M)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

\*Theo án sơ thẩm;

- *Nguyên đơn chị Phạm Thị S trình bày:*

Nguyên từ năm 2016 đến năm 2019, chị có cho vợ chồng anh K, chị P vay tổng số tiền là 500.000.000 đồng.

Sau khi vay tiền, vợ chồng anh K, chị P có trả một phần sau đó thì không trả như thoả thuận, nên vào tháng 02/2022 chị nộp đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh K, chị P trả nợ cho chị và được Toà án nhân dân Thị xã G thụ lý vào ngày 08/3/2022.

Tại bản án số 83/2022/DS-ST ngày 20/6/2022 của Toà án nhân dân Thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã buộc vợ chồng anh K, chị P phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền là 457.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, trong quá trình thi hành bản án số 83/2022/DS-ST, cơ quan thi hành án phát hiện vào ngày 12/3/2022 anh K, chị P đã ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) cho chị Võ Thị Phương T1 là con của anh K, chị P đối với phần đất có diện tích 133,9m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn thuộc thửa 272, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00814 do Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/3/2012 cho bà Nguyễn Thị P và ông Võ Minh K ngày 27/3/2012 và chị Võ Thị Phương T1 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CS09396 ngày 11/5/2022.

Vợ chồng anh K, chị P vay tiền chị không trả nhưng lại ký hợp đồng tặng cho tài sản của mình đã thể hiện rất rõ mục đích của họ là nhằm tẩu tán tài sản để trốn tránh việc trả nợ cho chị.

Nay, chị yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) ngày 12/3/2022 giữa anh Võ Minh K, chị Nguyễn Thị P với chị Võ Thị Phương T1 tại Văn phòng C, số công chứng 002732, quyền số 06/2022TP/CC-SCC/HĐGD.

- *Bị đơn là chị Nguyễn Thị P trình bày:*

Trước đây anh K có vay tiền của chị S. Đến năm 2022, Toà án nhân dân Thị xã G xét xử buộc chị và anh K cùng có nghĩa vụ trả cho chị S số tiền 457.000.000 đồng. Sau khi bản án có hiệu lực, vợ chồng chị vẫn chưa có tiền trả cho chị S.

Lý do vợ chồng chị làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con chị là Võ Thị Phương T1 vì anh K mắc nợ nhiều người, chị T1 trả nợ thay cho anh K, anh K cầm sổ đỏ cho chủ nợ, chị T1 lấy tiền chuộc lại sổ đỏ nên vợ chồng chị mới sang tên lại cho con chị.

Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) là để giảm tiền thuế vì nếu ghi có căn nhà trên thửa đất thì sẽ đóng tiền thuế nhiều hơn. Vợ chồng chị ký hợp đồng tặng cho con chị là Võ Thị Phương T1 thửa đất 272, tờ bản đồ số 3, diện tích 133,9m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn tại địa chỉ: ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang và chị T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay theo yêu cầu của chị S, vợ chồng chị không đồng ý vì đất này vợ chồng chị đã tặng cho con chị hợp pháp (thửa mới là thửa 310, tờ bản đồ số 37). Hiện tại, vợ chồng chị và vợ chồng chị T1 đang sinh sống ở căn nhà trên thửa đất này vì vợ chồng chị ngoài thửa đất này ra thì không còn thửa đất nào khác. Căn nhà vợ chồng chị còn ở nhưng đã tặng cho chị T1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 310 do chị T1 giữ, không thể chấp cho ai.

- *Bị đơn là anh Võ Minh K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Võ Thị Phương T1 và anh Hồ Minh T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh, chị không đến dự phiên tòa cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc chị Phạm Thị S khởi kiện.*

\* Bản án Dân sự sơ thẩm số 39/2024/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 124, Điều 500 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị S.

Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) vào ngày 12/3/2022 giữa anh Võ Minh K, chị Nguyễn Thị P với chị Võ Thị Phương T1 tại Văn phòng C, số công chứng 002732, quyền số 06/2022TP/CC-SCC/HĐGD, đối với thửa đất 272, tờ bản đồ số 3, diện tích 133,9m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN CH00814 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 27/3/2012 cho anh Võ Minh K, chị Nguyễn Thị P.

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

\* Ngày 15/02/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Võ Thị Phương T1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

\* Tại phiên tòa:

- Chị Võ Thị Phương T1 trình bày: Việc vay mượn tiền giữa cha mẹ chị với nguyên đơn chị không hay biết. Mặt khác, cha mẹ chị cho chị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mục đích là để ở và sinh sống, vì đây là tài sản duy nhất của gia đình chị nên chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Đại diện ủy quyền của nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị Võ Thị Phương T1 và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Anh Võ Minh K và anh Hồ Minh T2 đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị Võ Thị Phương T1, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị S và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Võ Thị Phương T1, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Tuy trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc hủy hợp đồng

tặng cho quyền sử dụng đất, nhưng cũng cần phải giải thích cho đương sự về việc giải quyết hậu quả của việc huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trong cùng vụ án trên, trong khi Tòa án cấp sơ thẩm nhận định sau này có khởi kiện sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác, là chưa hợp lý. Trong trường hợp này cần phải nhận định và xem xét kiến nghị cơ quan có thẩm quyền là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T huỷ hoặc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số vào số cấp GCN: CS09396 ngày 11/5/2022 cấp cho Võ Thị Phương T1 đứng tên đối với thửa đất 310 (trước đây là thửa 272), diện tích 133,9m<sup>2</sup>, đất ở nông thôn, tờ bản đồ số 37, đất tại ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, khi đó vụ việc tranh chấp sẽ do Tòa án cấp tỉnh xem xét thụ lý, giải quyết; đồng thời để sau này mới có thể tiến hành cưỡng chế kê biên thửa đất 272 để thi hành án buộc ông K, bà P trả cho chị S số tiền vay còn nợ là 457.000.000 đồng. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất 310, diện tích 133,9m<sup>2</sup>, đất ở nông thôn, tờ bản đồ số 37, số vào số cấp GCN: CS09396, đất tại ấp T, xã B, thị xã G, Tiền Giang do phía anh K, chị P, chị T1, anh T2 không cho Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá mà chỉ thu thập trích lục sơ đồ đo đạc đối với thửa đất 310. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị S, tuyên huỷ hợp đồng tặng cho QSD đất mà chưa xem xét giải quyết hậu quả của việc huỷ hợp đồng tặng cho là chưa giải quyết đầy đủ, toàn bộ vụ án. Bản án sơ thẩm có nhưng vi phạm thiếu sót về mặt nội dung như đã nêu, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; nghe quan điểm của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Võ Thị Phương T1 còn trong thời hạn quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Ông Bùi Phú M có đơn xin vắng mặt. Chị Nguyễn Thị P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử

căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông M và chị P.

[3]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Chị Võ Thị Phương T1 kháng cáo cho rằng việc vay mượn tiền giữa cha mẹ chị với chị Phạm Thị S chị không hay biết. Mặt khác, cha mẹ chị cho chị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mục đích là để ở và sinh sống, vì đây là tài sản duy nhất của gia đình chị nên chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét yêu cầu kháng cáo của chị T1 là không có căn cứ, không phù hợp pháp luật, bởi các lẽ sau:

Vào tháng 02/2022, chị Phạm Thị S có nộp đơn khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị P và anh Võ Minh K trả cho chị S khoản tiền vay 500.000.000 đồng, được Tòa án nhân dân Thị xã G, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết vụ án vào ngày 08/3/2022.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 83/2022/DS-ST ngày 20/6/2022 của Tòa án nhân dân Thị xã G buộc vợ chồng anh K, chị P có nghĩa vụ trả cho chị S số tiền vay là 457.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình thi hành bản án nêu trên, Chi cục thi hành án dân sự Thị xã G tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của vợ chồng anh K, chị P thì phát hiện vào ngày 12/3/2022 anh K và chị P đã ký hợp đồng tặng cho con là chị Võ Thị Phương T1 quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) đối với thửa đất số 272, tờ bản đồ số 3, diện tích 133,9m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, sổ vào sổ cấp GCN: CH00814 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 27/3/2012 cho anh Võ Minh K và chị Nguyễn Thị P và chị Võ Thị Phương T1 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất 310, diện tích 133,9m<sup>2</sup>, đất ở nông thôn, tờ bản đồ số 37, sổ vào sổ cấp GCN: CS09396 ngày 11/5/2022.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại thời điểm chị P và anh K lập hợp đồng tặng cho con quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 272, tờ bản đồ số 3, diện tích 133,9m<sup>2</sup> thì chị S đã khởi kiện anh K, chị P tại Tòa án nhân dân Thị xã G, được Tòa án nhân dân Thị xã G thụ lý vụ án số 42/2022/TLST-DS ngày 08/3/2022.

Mặt khác, quyền sử dụng đất thửa 272, tờ bản đồ số 3, diện tích 133,9m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà

ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00814 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 27/3/2012 cho anh Võ Minh K và chị Nguyễn Thị P là tài sản duy nhất để thi hành án, ngoài thửa đất này anh chị không còn tài sản nào khác nhưng lại lập hợp đồng tặng cho con là nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba là chị Phạm Thị S.

Hơn nữa, trên thửa đất 272, tờ bản đồ số 3, diện tích 133,9m<sup>2</sup> nêu trên có 01 căn nhà gắn liền với đất nhưng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12/3/2022 thể hiện không có tài sản gắn liền với đất là không phù hợp với thực tế sử dụng.

Từ những căn cứ như đã nêu trên, có đủ cơ sở xác định hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12/3/2022 giữa anh K, chị P với chị T1 là hợp đồng giả tạo nhằm mục đích tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 124, Điều 500 Bộ luật Dân sự tuyên hủy hợp đồng là phù hợp pháp luật.

Chị T1 kháng cáo nhưng không bổ sung được chứng cứ nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc hủy bản án sơ thẩm, hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có ra Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản tranh chấp nhưng không thực hiện được do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không hợp tác. Tòa án cấp sơ thẩm có lập biên bản về việc này và trích lục sơ đồ đo đạc thửa đất để làm cơ sở giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc huỷ hợp đồng nên Tòa án không xem xét, sau này có khởi kiện sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác là đúng với hướng dẫn tại Điều 2 Phần III của Giải đáp một số vấn đề về nghiệp vụ số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân tối cao.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm không kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chị Võ Thị Phương T1, là phù hợp với giải đáp tại Điều 2 Phần II của Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tối cao “V/v thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính”.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của chị T1 không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên chị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 và khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự;*

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Võ Thị Phương T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2024/DS-ST ngày 24-01-2024 của Tòa án nhân dân Thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

*Căn cứ Điều 124, Điều 500 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

**Xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị S.

Hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) ngày 12/3/2022 giữa anh Võ Minh K, chị Nguyễn Thị P với chị Võ Thị Phương T1, được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 002732, quyền số 06/2022TP/CC-SCC/HĐGD, đối với thửa đất 272, tờ bản đồ số 3, diện tích 133,9m<sup>2</sup>, loại đất ở nông thôn, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN:CH00814 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 27/3/2012 cho anh Võ Minh K, chị Nguyễn Thị P.

2. Về án phí:

- H lại chị Phạm Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0027355 ngày 25/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Anh Võ Minh K, chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).



- Chị Võ Thị Phương T1 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0000664 ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND Thị xã G;
- CCTHADS Thị xã G;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thị Thu Thủy**